

Bản án số: 74/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Tứ Hải**.
2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh ngày: 11/6/1994 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 05/7/2019).

Địa chỉ: đội 7, xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày: 26/7/1991 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 19/7/2019).

Địa chỉ: ấp Hòa Hiệp, xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và bảng khai ý kiến ngày 05/7/2019 nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/01/2014.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ ruột của chị, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm sau đó thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường hay cự cãi, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, nay chị không còn tình cảm với anh Q. Chị và anh Q đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Nhã T, sinh ngày: 22/6/2014 hiện nay cháu T đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bảng khai ý kiến ngày 19/7/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị L. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Nhã T, sinh ngày: 22/6/2014 hiện nay cháu T đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn thì anh đồng ý giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 03/4/2019, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Đơn xin xác nhận; Dịch vụ chuyển phát nhanh, đơn xin vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; đơn xin vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Văn Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Lê Thị L có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Theo xác nhận của trại giam Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thì hiện nay anh Nguyễn Văn Q đang chấp hành án tại trại giam Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên ngày 19/7/2019 anh Nguyễn Văn Q có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm vào ngày 07/01/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị L trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường hay cự cãi, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị L và anh Q đã không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay, chị L không còn tình cảm với anh Q. Anh Q thống nhất theo lời trình bày của chị L. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Q, anh Q đồng ý. Nay chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q thống nhất thuận tình ly hôn nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Thị Nhã T, sinh ngày: 22/6/2014. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị L, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q đồng ý giao cháu T cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung tên Nguyễn Thị Nhã T, sinh ngày: 22/6/2014. Giao cháu Nguyễn Thị Nhã T cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Lê Thị L đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0009718, ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Lê Thị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Thành Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh